

Số: 1624/QĐ-UBND

TP. Cao Bằng, ngày 23 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn
thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Chi thị 13/CT-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn.
Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cao Bằng lần thứ XVII nhiệm kỳ 2015-2020 ngày 28 tháng 8 năm 2015;
Chương trình hành động thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cao Bằng lần thứ XVII nhiệm kỳ 2015-2020 số 05-CTr/TU ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thành ủy Cao Bằng;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế thành phố Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án sản xuất rau an toàn tại thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND Thành phố; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Thường trực Thành ủy, HĐND;
- CT, các phó CT UBND thành phố;
- Các phòng, ban: Y tế, Trạm KNKL, Trạm Trồng trọt và BVTV Đài TTTT TP;
- BCD phát triển SX và tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn TPCB;
- Lãnh đạo VP, CV;
- UBND các xã, phường;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội TP;
- Lưu: VT.



Lương Tuấn Hùng

ĐỀ ÁN

**SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ RAU AN TOÀN THÀNH PHỐ CAO BẰNG,
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Rau xanh là thực phẩm không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày của mỗi gia đình. Hiện nay, nhu cầu về rau xanh đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đã trở nên cần thiết và bức xúc với người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cao Bằng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trên địa bàn thành phố, đa số nông dân vẫn chưa thực hiện quy trình sản xuất rau an toàn, chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ theo kinh nghiệm nên chất lượng rau chưa đảm bảo. Bên cạnh đó nguồn rau củ chủ yếu cung cấp cho TP Cao Bằng được nhập từ các tỉnh dưới xuôi qua các tiểu thương nên không kiểm soát được dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người tiêu dùng. Mặt khác, trên địa bàn thành phố chưa có sản phẩm rau an toàn được chứng nhận an toàn để cung cấp ra thị trường, nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

Vì vậy, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các sản phẩm rau, củ, quả đang được xã hội đặc biệt quan tâm. Để từng bước khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trong những năm tới, đáp ứng nhu cầu về sản phẩm rau an toàn cho nhân dân thành phố Cao Bằng, việc xây dựng đề án Sản xuất rau an toàn tại thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020 là rất cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cao Bằng lần thứ XVII nhiệm kỳ 2015-2020 ngày 28 tháng 8 năm 2015;

Chương trình hành động thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cao Bằng lần thứ XVII nhiệm kỳ 2015-2020 số 05-CTr/TU ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thành ủy Cao Bằng;

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, SƠ CHẾ VÀ TIÊU THỤ CÁC LOẠI RAU, CỦ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

1. Thực trạng sản xuất, sơ chế và tiêu thụ các loại rau, củ trên địa bàn thành phố Cao Bằng

a) Về thực diện tích, năng suất và sản lượng rau, củ trên địa bàn

Theo Báo cáo tổng hợp "Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cao Bằng - tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025", năm 2014 trên địa bàn Thành phố có khoảng hơn 265,37 ha chuyên trồng rau, củ các loại với khoảng trên 40 loại sản phẩm. Năng suất rau bình quân; đạt 100,04 tạ/ha/vụ, tổng sản lượng rau của toàn Thành phố cả năm đạt 7.459,82 tấn/năm. Năm 2015, diện tích trồng rau màu các loại đạt 250 ha, năng suất bình quân đạt 99,5 tạ/ha/vụ, tổng sản lượng cả năm đạt trên 7.000 tấn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu rau xanh cho thành phố.

b) Về thực trạng sản xuất, sơ chế và tiêu thụ rau, củ

Hiện nay việc sản xuất các loại rau, củ được thực hiện theo 03 hình thức: sản xuất rau chuyên canh truyền thống, sản xuất rau an toàn và sản xuất rau hữu cơ. Trong đó, đối với sản xuất rau chuyên canh truyền thống việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu gần như không kiểm soát được, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người tiêu dùng; đối với sản xuất rau an toàn, việc sản xuất được thực hiện theo quy chuẩn, có sự quản lý, giám sát của Nhà nước, cây trồng được chăm sóc theo quy trình, phân bón và thuốc trừ sâu được sử dụng và kiểm soát rất chặt chẽ nhằm đem lại các sản phẩm an toàn đến tay người tiêu dùng, dư lượng của các loại thuốc bảo vệ thực vật hay phân bón hoá học đều nằm trong ngưỡng cho phép; đối với rau hữu cơ, toàn bộ quá trình sản xuất không sử dụng bất kỳ một loại hoá chất bảo vệ thực vật hay kích thích sinh trưởng nào, rau củ được phát triển một cách hoàn toàn tự nhiên, tuy nhiên nhu cầu vốn đầu tư rất lớn, yêu cầu nhân công ở mức cao, thời gian thiết lập trang trại lâu do phải cải tạo đất và kiến tạo hệ sinh thái lành mạnh cho cây trồng, cần xen canh khoa học để giúp cây có được sự kích thích sinh trưởng tự nhiên hợp lý. Để phù hợp với tình hình thực tế sản xuất rau tại thành phố hiện nay, bước đầu xác định mục tiêu của đề án là sản xuất rau an toàn, cụ thể như sau:

Thực tế tại địa bàn thành phố Cao Bằng, hầu hết các hộ trồng rau đều sản xuất theo hình thức chuyên canh truyền thống, người sản xuất chỉ quan tâm đến năng suất và sản lượng rau mà ít quan tâm đến chất lượng an toàn thực phẩm nên tình trạng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không đúng lúc, đúng cách vẫn thường xuyên xảy ra như: bón quá nhiều đạm, bón phân không đảm bảo thời gian cách ly, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục theo quy

định trên các loại rau ăn lá gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng. Công tác thu hoạch trước khi cung cấp ra thị trường không đảm bảo vệ sinh, không kiểm soát được chất lượng.

Toàn bộ rau, củ tiêu thụ trên địa bàn Thành phố chủ yếu qua 03 chợ đầu mối bán buôn và bán lẻ rau (chợ Xanh thành phố, chợ Ngọc Xuân, chợ km5) và khoảng 04 chợ dân sinh và một số điểm bán hàng nhỏ lẻ. Các loại rau, củ trước khi đem tiêu thụ không kiểm soát được nguồn gốc và chất lượng.

c) Công tác quản lý chất lượng về sản xuất và tiêu thụ

Hàng năm Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Cao Bằng đều tổ chức ký bản cam kết về việc sản xuất rau an toàn đối với các hộ dân có tham gia sản xuất rau trên toàn bộ địa bàn các phường, xã của thành phố. Nhưng hiện nay, toàn thành phố chưa có cơ sở sản xuất hoặc cửa hàng bán rau củ nào được cấp giấy chứng nhận “Đủ điều kiện sản xuất rau an toàn” và giấy chứng nhận “Đủ điều kiện kinh doanh rau an toàn”.

Trong 4 tháng đầu năm 2016, thành phố thành lập được 13 đoàn kiểm tra an toàn thực phẩm, tổ chức kiểm tra được 243 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; dịch vụ ăn uống; thức ăn đường phố, phát hiện 45 cơ sở có vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và đã xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

- Chưa có quy hoạch sản xuất rau an toàn, chưa có các vùng sản xuất chuyên rau tập trung lớn.

- Chưa có cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất rau.

- Sản xuất, kinh doanh rau gặp rủi ro cao; mạng lưới kinh doanh rau an toàn thiếu và yếu. Chưa có doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh rau an toàn. Liên kết giữa người, cơ sở sản xuất và kinh doanh còn lỏng lẻo và thiếu sự tương hỗ lẫn nhau.

- Do nhận thức của một bộ phận người sản xuất còn hạn chế, chưa chú ý đến chất lượng nên một số hộ nông dân chưa tuân thủ quy trình sản xuất rau an toàn, chất lượng rau chưa đảm bảo, chưa chiếm được lòng tin của người tiêu dùng.

- Trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng rau còn thiếu. Việc cấp giấy chứng nhận vùng, cơ sở đủ điều kiện sản xuất, sơ chế, kinh doanh rau an toàn và chứng nhận sản phẩm rau an toàn đến người tiêu dùng còn hạn chế.

- Hệ thống cơ chế, chính sách còn chưa đồng bộ và chưa phù hợp để khuyến khích phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng mô hình điểm về sản xuất rau an toàn để tạo đà nhân rộng mô hình, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất rau an toàn trên địa bàn toàn thành phố. Thay đổi tư duy và phương thức sản xuất từ sản xuất rau theo thói quen sang áp dụng quy trình sản xuất an toàn, có sự liên kết, giám sát và kiểm soát thường xuyên. Thông qua đó, người tiêu dùng hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của rau an toàn để có sự cân nhắc, lựa chọn phù hợp trong tiêu dùng sản phẩm rau.

- Khai thác triệt để lợi thế, tiềm năng về điều kiện tự nhiên của địa phương; bước đầu hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, phát triển và mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn; Đáp ứng nhu cầu rau an toàn của nhân dân thành phố, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các khu đất công do địa phương quản lý, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương thông qua việc cho thuê đất để mời gọi các doanh nghiệp/HTX tham gia đầu tư vào mô hình sản xuất rau an toàn.

- Hình thành các hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa nông sản theo nhóm hộ, tổ đội sản xuất chuyên canh nhằm tạo mối liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu trong năm 2016

- Xây dựng được ít nhất 01 mô hình điểm về sản xuất rau an toàn để phát triển và nhân rộng mô hình, với quy mô 2 ha đến 3 ha tại xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng.

- Phát triển mở rộng diện tích rau an toàn theo hướng tập trung với diện tích sản xuất rau an toàn được chứng nhận từ 2ha đến 3 ha vào cuối năm 2016.

b) Mục tiêu đến năm 2020

Hình thành 03 đến 04 vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn tập trung quanh thành phố. Tiếp tục phát triển diện tích rau an toàn ở các vùng sản xuất tập trung, phấn đấu đạt 100 ha – 150 ha diện tích có chứng nhận sản xuất rau an toàn, có khả năng đáp ứng trên 70% nhu cầu của người tiêu dùng.

IV. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ

1. Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn

- Phát triển sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng tiến bộ công nghệ cao, bền vững, sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, lao động, nguồn vốn. Kêu gọi đầu tư cho chế biến, bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân. Thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng phân bón, hóa chất và xử lý chất thải nông nghiệp.

- Đến năm 2020, dự kiến phát triển được 4 – 5 vùng sản xuất rau an toàn tập trung, với tổng diện tích từ 100 ha - 150 ha; ưu tiên các xã, phường ven sông

Hiển, sông Bằng. Trong đó lựa chọn một số vùng quy mô lớn, thuộc các xã Hưng Đạo, Đề Thám, Vĩnh Quang, Ngọc Xuân, Sông Bằng để đầu tư khép kín tạo thành các vùng rau an toàn trọng điểm.

- Chuyển đổi những diện tích trồng lúa, ngô, các cây màu không hiệu quả trong vùng quy hoạch sang sản xuất rau an toàn.

2. Phát triển các cơ sở chế biến và hệ thống tiêu thụ rau an toàn

Quy hoạch các chợ và mạng lưới tiêu thụ gắn với các vùng sản xuất và các trục đường giao thông chính. Phân khu chợ Xanh thành phố và chợ Đề Thám để phục vụ tiêu thụ rau cho các vùng sản xuất và kiểm soát chất lượng an toàn đối với các nguồn rau từ các tỉnh dưới xuôi trước khi vào thành phố,... Ngoài ra duy trì và phát triển các khu vực bán rau an toàn tại các chợ quy mô nhỏ để thuận tiện phục vụ tiêu thụ rau cho các vùng sản xuất rau nằm xa chợ đầu mối.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về phát triển sản xuất rau an toàn

a) Lựa chọn địa điểm triển khai mô hình (Giai đoạn thí điểm)

- Lựa chọn xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng có điều kiện tự nhiên thuận lợi để triển khai mô hình. Nằm cách thành thành phố Cao Bằng 9 km về phía Đông Nam theo hướng tỉnh lộ 203, có các tuyến giao thông lớn đi qua. Trên địa bàn có sông Bằng Giang chảy qua, đây là nguồn cung cấp nước tưới chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp của xã thông qua trạm bơm Cao Bình. Ngoài ra xã còn có hệ thống kênh thủy lợi từ hồ Khuổi Lái và các khe suối cung cấp nước tưới cho khu vực phía nam của xã. Nhìn chung xã Hưng Đạo đáp ứng đầy đủ các tiêu chí cơ bản để sản xuất rau an toàn như cách xa nguồn ô nhiễm không khí và nước thải từ các khu công nghiệp, diện tích đất bãi phù sa ven sông lớn thuận lợi về cơ sở hạ tầng để có thể triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm hình thành vùng sản xuất rau an toàn tập trung trọng điểm.

- Quy mô, diện tích xây dựng mô hình: Sử dụng diện tích đất công do UBND xã Hưng Đạo đang quản lý (khoảng 2ha đến 3ha) để kêu gọi doanh nghiệp đầu tư nhằm giới thiệu mô hình, tạo đà nhân rộng mô hình tới các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân tại các vùng phụ cận. Phát triển và xây dựng mô hình điểm trong giai đoạn 1, từ nay đến cuối năm 2016 phát triển được từ 2 đến 5 ha rau an toàn được cấp giấy chứng nhận rau an toàn.

- Hình thức triển khai mô hình: Xây dựng mô hình kết hợp giữa các hộ sản xuất và doanh nghiệp/HTX. Các hộ sản xuất theo đặt hàng của doanh nghiệp/HTX, doanh nghiệp/HTX trực tiếp sản xuất, tiêu thụ; định hướng sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật và đứng ra bao tiêu sản phẩm do các hộ tham gia mô hình kết hợp. Khuyến khích để các doanh nghiệp/HTX có đủ năng lực về nguồn vốn,

kỹ thuật và có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tham gia mô hình trồng rau an toàn bằng cách đưa ra cơ chế theo hướng xã hội hoá, Nhà nước tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng như tạo điều kiện cho thuê mặt bằng sản xuất trên cơ sở các khu đất công hiện đang do địa phương quản lý; doanh nghiệp chủ động bỏ chi phí sản xuất, phát triển thị trường và đứng ra bao tiêu 100% các sản phẩm rau an toàn từ những hộ dân trực tiếp tham gia mô hình. Tuyên truyền vận động các cấp chính quyền địa phương và nhân dân tham gia vào mô hình. Thành lập hội hoặc hiệp hội sản xuất, tiến tới thành lập Hợp tác xã nhằm tạo sự liên kết và hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất; cử đại diện ký kết hợp đồng tiêu thụ với đơn vị bao tiêu; thực hiện tự giám sát lẫn nhau trong quá trình sản xuất; đưa ra khỏi hội và dùng bao tiêu sản phẩm đối với những hộ vi phạm cam kết và vi phạm quy định về sản xuất rau an toàn.

b) Phát triển sản xuất rau an toàn

- Động viên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hộ nông dân đầu tư cho sản xuất, chế biến, kinh doanh rau an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng rau an toàn, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

- Chuyển đổi vùng chuyên canh rau truyền thống sang sản xuất theo quy trình rau an toàn, tập trung vào các vùng bãi ven sông Bằng Giang và sông Hiến tại địa phận các xã Hòa Chung, Đề Thám, Hưng Đạo, Vĩnh Quang, Ngọc Xuân và Sông Bằng.

- Tiếp tục quản lý, hướng dẫn, giám sát sản xuất ở các vùng phân tán còn lại có đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

2. Giải pháp về kỹ thuật sản xuất rau an toàn

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất rau an toàn cho nông dân dưới nhiều hình thức như: Mở các lớp tập huấn tìm hiểu về quy trình sản xuất rau an toàn, xây dựng các nhóm nông dân sản xuất rau an toàn tự quản để nâng cao tính tự chủ, tăng cường liên kết hợp tác và ý thức trách nhiệm của nông dân trong sản xuất rau an toàn,...

- Hướng dẫn các địa phương tổ chức sản xuất và định hướng các doanh nghiệp tham gia tiêu thụ sản phẩm cho vùng rau an toàn tập trung nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư và phát triển bền vững.

- Đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ kỹ thuật có đủ trình độ chuyên môn, năng lực quản lý chỉ đạo sản xuất.

- Thử nghiệm và chuyển giao biện pháp kỹ thuật mới vào sản xuất rau an toàn (che phủ nilon, giống mới, phân bón mới, tưới nhỏ giọt, thuốc BVTV...)

Mức đầu tư cụ thể căn cứ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho từng dự án.

3. Giải pháp về xây dựng, phát triển chợ đầu mối và mạng lưới tiêu thụ rau an toàn

a) Hỗ trợ đầu tư phát triển các chợ đầu mối rau an toàn
- Trên cơ sở định hướng quy hoạch và phát triển, xây dựng các khu tập trung tại 02 chợ lớn là chợ Xanh thành phố và chợ Đề Thám để hình thành khu chợ đầu mối tiêu thụ rau cho các vùng sản xuất. Quy mô và nguồn kinh phí thực hiện cụ thể theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền phù hợp với nguồn kinh phí bố trí cho từng giai đoạn.

b) Xây dựng và phát triển mạng lưới tiêu thụ rau an toàn

Phát triển mạng lưới tiêu thụ rau an toàn bao gồm các cửa hàng rau an toàn tại các khu dân cư, quầy rau an toàn tại các chợ và gian hàng rau an toàn tại các siêu thị trên địa bàn thành phố. Cụ thể:

- Cửa hàng rau an toàn tại khu dân cư: Trên cơ sở các cửa hàng rau an toàn hiện có, khuyến khích phát triển từ 1-3 cửa hàng rau an toàn/khu dân cư/tổ dân phố. Dự kiến số lượng từ 20-30 cửa hàng.

- Quầy rau an toàn tại các chợ (chủ yếu tại 03 chợ chính của Thành phố): Tùy quy mô từng chợ, phát triển từ 10-20 quầy bán rau an toàn/chợ. Dự kiến số lượng từ 50-60 quầy.

- Gian hàng rau an toàn tại các siêu thị: Phát triển tối thiểu 01 gian hàng/siêu thị. Dự kiến số lượng: 05 đến 07 gian hàng rau an toàn (Siêu thị Cao Bằng; Siêu thị Ngọc Xuân; Siêu thị Nguyễn Lương; Hệ thống cửa hàng tự chọn Tân Thời Đại; Siêu thị Hòa An).

4. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý chất lượng rau an toàn

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn và quản lý sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ rau an toàn: Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn; Chứng nhận sản phẩm rau an toàn; Chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... nhằm từng bước đưa hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ rau an toàn đi vào nề nếp.

b) Đào tạo, tập huấn và bố trí đội ngũ cán bộ đủ năng lực và trình độ quản lý, kiểm soát chất lượng rau an toàn từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ. Có cơ chế hỗ trợ phù hợp để đảm bảo hoạt động giám sát có hiệu quả.

c) Tăng cường tổ chức thanh kiểm tra, giám sát sản xuất, chế biến, kinh doanh rau an toàn để giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, người kinh doanh trong việc thực hiện các quy định về sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Hình thức: Thanh tra, kiểm tra thường xuyên; đột xuất; liên ngành.

- Đối tượng kiểm tra, giám sát: Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn Thành phố.

5. Giải pháp về tuyên truyền, xúc tiến thương mại thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ rau an toàn

a) Nội dung: Tuyên truyền, quảng bá về kỹ thuật sản xuất rau an toàn cho người sản xuất; hướng dẫn kiến thức về rau an toàn cho người tiêu dùng. Thông

tin, quảng bá những cơ sở sản xuất và kinh doanh rau an toàn đảm bảo chất lượng, đáng tin cậy; cảnh báo những cơ sở vi phạm, để người tiêu dùng biết và lựa chọn.

b) Hình thức tuyên truyền:

- Biên soạn và in ấn các tờ rơi tuyên truyền về kỹ thuật sản xuất rau an toàn; kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên rau.
- Tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm.
- Tuyên truyền trên báo, đài truyền thanh, truyền hình của tỉnh, thành phố.
- Tập huấn kiến thức về rau an toàn cho người tiêu dùng
- Học tập kinh nghiệm của các địa phương khác.

6. Vốn đầu tư

Huy động tối đa các nguồn lực của địa phương, các doanh nghiệp, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn huy động để tổ chức thực hiện.

a) Tổng vốn thực hiện đề án: 376 triệu đồng, trong đó:

- Vốn hỗ trợ từ các tổ chức (dự án VIE036): 15.000 EUR (Tương đương 376.000.000 đồng).

- Nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn: Tùy thuộc vào các nguồn vốn được bố trí hàng năm để lồng ghép trong quá trình thực hiện.

- Doanh nghiệp/HTX, các hộ tham gia sản xuất: Thực hiện theo hình thức xã hội hóa.

b) Hạng mục đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ:

Nguồn vốn hỗ trợ: 376 triệu đồng, gồm:

- Tuyên truyền vận động tham gia mô hình sản xuất: 7 triệu đồng.
- Xây dựng quy trình kỹ thuật: 25 triệu đồng
- Tập huấn, đào tạo, chuyển giao: 101 triệu đồng.
- Hỗ trợ xây dựng các điểm bán hàng: 200 triệu đồng
- Tuyên truyền, xúc tiến thương mại: 17 triệu đồng
- Tổng kết, đánh giá: 26 triệu đồng.

c) Phân kỳ thực hiện nguồn vốn

- Giai đoạn 1 (trong năm 2016): 376 triệu đồng.

- Giai đoạn 2 (2017-2020): Kinh phí giai đoạn 2 tùy thuộc vào tình hình triển khai thực hiện đề án và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn thành phố Cao Bằng

- Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm để thực hiện đề án; kiểm tra đôn đốc việc thực hiện đề án ở các cơ sở.

- Hàng năm tổ chức tổng kết việc thực hiện đề án; đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, các nội dung và cơ chế hỗ trợ đầu tư khi cần thiết trong quá trình thực hiện đề án.

2. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan, Ủy ban nhân dân các xã Hưng Đạo, Vĩnh Quang; các phường Hòa Chung, Đề Thám, Ngọc Xuân và Sông Bằng tham mưu cho Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện đề án hàng năm, báo cáo UBND thành phố phê duyệt cho thực hiện, triển khai thực hiện đề án này.

- Đề xuất chính sách khuyến khích sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau an toàn.

- Phối hợp với các đơn vị như Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm thành phố, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố tổ chức thực hiện các nội dung nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo kỹ thuật sản xuất rau an toàn; tập huấn kỹ thuật phục vụ sản xuất rau an toàn; xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất - tiêu thụ rau an toàn.

- Phối hợp với Ban quản lý chợ thành phố đề xuất quy hoạch các chợ đầu mối nông sản thực phẩm và rau an toàn; rà soát, bố trí các cửa hàng, quầy hàng, gian hàng rau an toàn tại các khu dân cư, chợ, siêu thị. Phối hợp quản lý kinh doanh rau an toàn.

- Quản lý, kiểm tra, đôn đốc các phường, xã triển khai thực hiện đề án, tổng hợp kết quả thực hiện đề án định kỳ để báo cáo Ban chỉ đạo và UBND thành phố.

3. Phòng Y tế

- Chủ trì và phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra chất lượng rau an toàn tại các cơ sở chế biến, các chợ, siêu thị.

4. Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã Hưng Đạo, Vĩnh Quang; các phường Hòa Chung, Đề Thám, Ngọc Xuân và Sông Bằng xây dựng kế hoạch tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn; tập huấn kỹ thuật phục vụ sản xuất rau an toàn.

5. Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Thường xuyên xuống địa bàn để kiểm tra phát hiện sâu bệnh hại cây trồng để hướng dẫn người dân phòng trừ kịp thời; Tổ chức các lớp tập huấn về các biện pháp phòng, chống sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng.

6. Phòng Tài chính kế hoạch

- Căn cứ vào các chương trình, dự án cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt để cân đối, đề xuất nguồn kinh phí trình UBND thành phố thực hiện hàng năm.

7. Đài Truyền thanh - Truyền hình

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, ý nghĩa của đề án trên cổng thông tin điện tử của Thành phố và hệ thống loa truyền thanh của Thành phố và các xã, phường.

8. Các tổ chức xã hội, đoàn thể

- Phối hợp phổ biến, tuyên truyền các quy định của Nhà nước và thành phố trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ rau an toàn.

9. UBND các xã, phường

- Căn cứ nội dung của đề án và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng phát triển sản xuất tại địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chuyên môn của thành phố để tăng cường công tác quản lý Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn.

- Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách để phát triển sản xuất, tiêu thụ rau an toàn với Ban chỉ đạo Thành phố./.

Phụ lục 1: Tổng hợp nhu cầu vốn đề án (từ năm 2016 - 2020)

TT	Nội dung đầu tư	Thành tiền (Đồng)	Phân kỳ hàng năm	
			2016	2017 - 2020
I	Tuyên truyền vận động tham gia mô hình sản xuất rau an toàn	6.900.000	6.900.000	
II	Tập huấn, đào tạo, chuyển giao	125.800.000	125.800.000	
1	Xây dựng quy trình sản xuất rau an toàn	25.000.000	25.000.000	
2	Tập huấn, đào tạo, chuyển giao	100.800.000	100.800.000	
III	Hỗ trợ việc tiêu thụ rau an toàn	200.000.000	200.000.000	
1	Chợ đầu mối	100.000.000	100.000.000	
2	Mạng lưới tiêu thụ (cửa hàng)	100.000.000	100.000.000	
IV	Quản lý Nhà nước về sản xuất và tiêu thụ rau an toàn			
1	Cấp giấy chứng nhận	Xã hội hóa		
2	Quản lý, hướng dẫn, giám sát rau an toàn	Kinh phí thường xuyên		
3	Thanh kiểm tra, giám sát	Kinh phí thường xuyên		
V	Tuyên truyền, xúc tiến thương mại	16.900.000	16.900.000	
VI	Xây dựng các HTX, hiệp hội sản xuất	Xã hội hóa		
VII	Sơ tổng kết, đánh giá đề án	26.300.000	26.300.000	
	Tổng vốn đầu tư, vốn hỗ trợ	375.900.000	375.900.000	Theo khả năng cân đối ngân sách
	Kinh phí địa phương, doanh nghiệp	-	-	

Phụ lục 2. Kế hoạch tập huấn, đào tạo sản xuất rau an toàn (Giai đoạn 2016 - 2020)

STT	Các xã, phường	Giai đoạn 2016		Giai đoạn 2017 - 2020	
		Số lớp	Kinh phí (Tr.đồng)	Số lớp	Kinh phí (Tr.đồng)
1	Đề Thám	4	21.200.000	11	
2	Hưng đạo	5	27.500.000	15	Theo khả năng cân đối ngân sách địa phương
3	Hòa Chung	2	12.600.000	7	
4	Ngọc Xuân	2	12.600.000	7	
5	Sông Bằng	2	12.600.000	7	
6	Vĩnh Quang	4	21.200.000	11	
	Tổng cộng	19	107.700.000	58	

Phụ lục 3: Chi tiết nhu cầu vốn đề án (từ năm 2016 - 2020)

Tên đề án: Xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn tại Thành phố Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Đơn vị/ Người tham gia	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn ngân sách		Ghi chú
								Dự án VIE 036	Ngân sách địa phương	
	Tổng nguồn vốn									
I	Giai đoạn I (2016)							375.900.000		
1	Tuyên truyền vận động tham gia mô hình sản xuất rau an toàn	Quý III/2016	UBND thành phố	Phòng, ban và các xã phường				6.900.000		
	Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ tham gia mô hình				ngày	3	2.300.000	6.900.000		
	Tổng chi phí 01 buổi tuyên truyền							2.300.000		
	Văn phòng phẩm, tài liệu				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Nước uống				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Chi phí bồi dưỡng giảng viên				người*ngày	3	300.000	900.000		
	Trợ giảng, hướng dẫn				người*ngày	2	200.000	400.000		
2	Tập huấn, đào tạo, chuyển giao							125.800.000		
2.1	Lựa chọn hệ thống tiêu chí; Xây dựng quy trình sản xuất	Quý III/2016	Trạm khuyến nông/Trạm BVTV			5	5.000.000	25.000.000		
2.2	Tập huấn, đào tạo, chuyển giao	Quý III/2016 và Quý IV/2016	Trạm khuyến nông/Trạm BVTV		ngày	16	6.300.000	100.800.000		
	Tổng chi phí 01 buổi tập huấn							6.300.000		
	Văn phòng phẩm, tài liệu				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Nước uống				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Thuê hội trường, trang trí				ngày	1	4.000.000	4.000.000		
	Chi phí bồi dưỡng giảng viên				người*ngày	3	300.000	900.000		
	Trợ giảng, hướng dẫn				người*ngày	2	200.000	400.000		
3	Hỗ trợ việc tiêu thụ rau an toàn							200.000.000		
3.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng chợ đầu mối	Quý IV/2016	UBND thành phố	Hỗ trợ thêm của doanh nghiệp/HTX	Địa điểm	2	50.000.000	100.000.000		
3.2	Phát triển mạng lưới tiêu thụ/cửa hàng	Quý IV/2016	UBND thành phố	Hỗ trợ thêm của doanh nghiệp/HTX		50	2.000.000	100.000.000		
4	Quản lý Nhà nước về sản xuất và tiêu thụ rau an toàn			Thực hiện với sự hỗ trợ của Sở NN						
	Cấp giấy chứng nhận	Quý IV/2016	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản/Chi cục trồng trọt và BVTV	Các cơ sở sản xuất kinh doanh rau an toàn	cơ sở kinh doanh	60				Khoản mục này do các cơ sở SXKD tự chi trả

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Đơn vị/ Người tham gia	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn ngân sách		Ghi chú
								Dự án VIE 036	Ngân sách địa phương	
	Quan lý, hướng dẫn, giám sát rau an toàn	Quý IV/2016	Cơ quan QLNN	Các cơ sở sản xuất kinh doanh rau an toàn						Kinh phí thường xuyên của các đơn vị QLNN
	Thanh kiểm tra, giám sát	Quý IV/2016	Cơ quan QLNN	Các cơ sở sản xuất kinh doanh rau an toàn						Kinh phí thường xuyên của các đơn vị QLNN
5	Tuyên truyền, xúc tiến thương mại	Quý IV/2016	UBND thành phố					16.900.000		
5.1	Hội thảo, tập huấn				ngày	3	2.300.000	6.900.000		
	Tổng chi phí 01 buổi tập huấn							2.300.000		
	Văn phòng phẩm, tài liệu				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Nước uống				người*ngày	50	10.000	500.000		
	Chi phí bồi dưỡng giảng viên				người*ngày	3	300.000	900.000		
	Trợ giảng, hướng dẫn				người*ngày	2	200.000	400.000		
5.2	Biên soạn, in ấn				đợt	5	2.000.000	10.000.000		
6	Xây dựng các HTX/hiệp hội sản xuất	Quý IV/2016	UBND thành phố	UBND các xã, phường						Thực hiện theo hình thức xã hội hóa
7	Hội thảo tổng kết, đánh giá				Ngày	2	13.150.000	26.300.000		
	Tổng chi phí /01 đợt hội thảo							13.150.000		
	Địa điểm hội thảo				ngày	1	3.500.000	3.500.000		
	Giải khát				người*ngày	65	50.000	3.250.000		
	Văn phòng phẩm				Người*ngày	65	50.000	3.250.000		
	Ma két				cái	1	500.000	500.000		
	Hỗ trợ tiền ăn				người	15	150.000	2.250.000		
	Thu xếp hậu cần hội thảo				người*ngày	4	100.000	400.000		
II	Giai đoạn 2 (2017 - 2020)	Kinh phí giai đoạn 2 tùy thuộc vào tình hình triển khai thực hiện đề án và khả năng cân đối ngân sách địa phương.								